
NGHIÊN CỨU

Khoa học pháp lý và giải pháp pháp lý nhằm góp phần phục vụ chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Nguyễn Bá Diên*, Nguyễn Hùng Cường

Khoa Luật, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 10 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 22 tháng 11 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 12 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết khái quát vị trí và vai trò của biển và đại dương đối với sự sinh tồn và phát triển của các quốc gia trong thế kỷ XXI, vị trí, vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam; đánh giá các tranh chấp hiện tại trên Biển Đông, đặc biệt là trước tham vọng bá quyền và bành trướng của Trung Quốc, và những tác động, ảnh hưởng của chúng tới chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam. Bài viết phân tích vai trò của khoa học pháp lý trong chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và xây dựng sức mạnh biển của Việt Nam và cơ sở của việc vận dụng khoa học pháp lý và biện pháp pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, từ đó các tác giả đã đưa ra các hệ giải pháp để phát huy tiềm lực khoa học pháp lý nhằm phục vụ chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam.

Từ khóa: Khoa học pháp lý, biện pháp pháp lý, Biển Đông, bảo vệ, chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo.

“Pháp luật quốc tế được sử dụng như là một thanh gươm để thúc đẩy lợi ích quốc gia và là một chiến khiên để bảo vệ lợi ích của nó... cần phải tăng cường những quy tắc của luật pháp quốc tế vì với những quốc gia nhỏ, chúng ta muốn sống trong một thế giới được cai trị bởi luật pháp thay vì bằng vũ lực.”

Tommy Koh- Chủ tịch Hội nghị lần thứ ba của Liên hợp quốc về Luật biển (từ năm 1980-1982)

*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-903426509.

Email: nbadien@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4119>

1. Khái quát về vai trò của biển

Thế kỉ 21 là thế kỷ của biển và đại dương. Biển và đại dương giờ đây không còn là lãnh địa của chỉ riêng các cường quốc trên thế giới mà đã trở thành sân chơi và mục tiêu của chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển của hầu hết mọi quốc gia. Ngày nay, nói đến biển, nhân loại đều có nhận thức chung đó là không gian sống còn, phát triển và là tương lai của thế giới hiện đại đối với cả các nước có biển và không có biển, tại những khu vực có tuyên bố chủ quyền, hay không tuyên bố chủ quyền. Các quốc gia, kể từ nước nhỏ đến siêu cường, đều nhận thức được rằng làm chủ biển và đại dương sẽ tạo động lực

to lớn cho sự phát triển đột phá của nền kinh tế - xã hội trong nước và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Điều đó được thể hiện rõ khi hàng loạt các quốc gia trong khu vực và trên thế giới tiến hành điều chỉnh hoặc công bố chiến lược biển mới với những toan tính đầy tham vọng. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, khả năng khai thác biển của con người cũng không ngừng được nâng cao; trước sức ép về dân số trong khi nguồn tài nguyên trên lục địa ngày càng cạn kiệt, nhân loại không còn con đường nào khác là phải tiến ra biển, làm chủ biển với tư duy mới và quyết tâm chưa từng có.

Nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là những vùng biên thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, có vị trí địa - chính trị hết sức trọng yếu. Đặc biệt, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nơi có lớp trầm tích với tầng sinh dưỡng màu mỡ đã trở thành môi trường rất thuận lợi cho các động vật và thực vật biển sinh sống và phát triển. Hơn thế nữa, những tài nguyên khoáng sản như sắt, than, mangan, coban, photphát, vàng, bạc, kim cương, bạch kim và những kim loại quý khác, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt, cho đến nay được tìm thấy phần lớn đều tập trung ở vùng thềm lục địa. Hiện nay, dầu mỏ và khí đốt vẫn là nguồn năng lượng chủ yếu, cung cấp đến trên 65% nhu cầu sử dụng năng lượng của loài người trên trái đất [1]. Dầu mỏ đã và đang “giữ vai trò là động lực thúc đẩy xã hội phát triển và là huyết mạch của nền văn minh”, là “thứ quyền lực tối thượng... chi phối các chính sách kinh tế, tài chính của mọi quốc gia”, và không còn giới hạn là một nguồn năng lượng đơn thuần mà đã trở thành “một vũ khí mang màu sắc chính trị, kinh tế, tôn giáo, văn hóa” [2]. Các nhà khoa học đánh giá, đáy đại dương và thềm lục địa có tiềm năng dầu khí gấp hai lần so với trên đất liền trong đó thềm lục địa ước tính chứa 90% trữ lượng dầu khí ngoài khơi [3]. Thềm lục địa không chỉ đem lại nguồn lợi hải sản, dầu khí và tài nguyên khoáng sản rắn, từ ba thập niên qua, nhiều khám phá đáng kinh ngạc về đáy biển và đại dương đã thúc đẩy các quốc gia và giới khoa học toàn cầu lao vào cuộc chinh phục một nguồn năng lượng khổng

lồ của tương lai: băng cháy (gas hydrate). Ngoài những lợi ích to lớn về mặt kinh tế, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa còn giữ vị trí rất quan trọng về chính trị, quân sự và an ninh quốc phòng [4]. Viễn cảnh ấy đã khiến cho tất cả các quốc gia ven biển đều quan tâm đến việc bảo vệ những quyền lợi ở các vùng biển này.

Việt Nam nằm bên bờ Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km, có vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng lớn (trên 1 triệu km²), với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và gần 4000 đảo lớn nhỏ. Vị trí địa lý này không những mang lại nguồn lợi về hải sản, dầu khí, thương mại, hàng hải..., mà còn có ý nghĩa hết sức đặc biệt về an ninh quốc phòng đối với Việt Nam trong tiến trình tiến ra biển và làm chủ biển.

Biển Đông, với vị trí đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam và tất cả các quốc gia trong khu vực cũng như các quốc gia ngoài khu vực về địa chiến lược, an ninh, quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế, từ lâu nay đã trở thành khu vực diễn ra các những tranh chấp thuộc loại phức tạp và “nóng bỏng” nhất thế giới. Những tranh chấp ở Biển Đông không chỉ xuất phát từ những tranh chấp về chủ quyền liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, từ những tranh chấp phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mà còn xuất phát từ sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, trong việc thực hiện quyền tự do hàng hải và hàng không tại một trong những vùng biển có tuyến đường hàng hải huyết mạch và mang tính chiến lược đối với các nước trong khu vực và thế giới (tuyến đường nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương; nối liền Châu Âu, Trung Đông với Châu Á và giữa các nước Châu Á với nhau; hơn 45% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển đi qua Biển Đông [5]). Bên cạnh đó, những tranh chấp ở Biển Đông cũng ngày càng trở nên gay gắt bởi giá trị và tiềm năng kinh tế khổng lồ mà vùng biển này hứa hẹn (Biển Đông được coi là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới [5]); khao khát sở hữu và khai thác nguồn tài nguyên giá trị tại vùng biển này đã đẩy các tranh chấp

tại Biển Đông lên những mức độ căng thẳng mới. Từ năm 1992, và đặc biệt từ năm 2007, Trung Quốc đã có nhiều hành động đơn phương, hung hăng, quyết liệt nhằm thực hiện “quyền lịch sử” trong phạm vi đường chữ U, thể hiện tham vọng bành trướng với mục tiêu độc chiếm Biển Đông và độc chiếm các nguồn tài nguyên trong khu vực này. Từ năm 2012, Trung Quốc đã đơn phương ban hành lệnh đánh bắt cá trên Biển Đông từ tháng 5 đến tháng 8 hàng năm. Mọi ngư dân và tàu thuyền đi vào khu vực này đều có thể bị lực lượng cảnh sát biển và hải giám của Trung Quốc bắt bớ, giam cầm. Bên cạnh đó, Trung Quốc, một mặt thường xuyên tiến hành các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí trong các vùng biển nằm trong đường chữ U; mặt khác liên tục có những hành động gây hấn, ngăn cản các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí của các quốc gia khác bất chấp các hoạt động này nằm trong thềm lục địa 200 hải lý của họ. Trong những quốc gia bị ảnh hưởng bởi các hành động xâm phạm quyền chủ quyền trắng trợn này, Việt Nam là quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất. Hàng ngày vẫn có hàng trăm tàu thuyền đánh cá Trung Quốc xâm phạm các vùng biển của Việt Nam để khai thác hải sản trái phép. Đặc biệt, dưới sự đe dọa, cưỡng ép của Trung Quốc, nhiều công ty nước ngoài đã phải rút khỏi các dự án thăm dò và khai thác dầu khí với Việt Nam. Nghiêm trọng nhất là vào tháng 5/2014, Trung Quốc đã hạ đặt trái phép giàn khoan HD981 vào trong vùng biển chồng lấn ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ, huy động hơn 100 tàu và máy bay quân sự các loại hung hãn đe dọa, đâm va, sử dụng súng phun nước cực mạnh, gây hư hỏng và thương tích cho các tàu, thủy thủ và ngư dân của Việt Nam, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với thềm lục địa. Trong vài năm trở lại đây, Trung Quốc đã tiến hành các hoạt động bồi đắp cải tạo đất ở quy mô lớn và ráo riết xây dựng cơ sở hạ tầng tại các tiền đồn trên bảy thực thể mà mình chiếm giữ trái phép của Việt Nam ở quần đảo Trường Sa. Những tiền đồn này bao gồm ba sân bay, các bến cảng, hệ thống thông tin liên lạc - giám sát và

các cơ sở hậu cần. Những thực thể được cải tạo này được Trung Quốc sử dụng làm các cơ sở dân sự - quân sự để tăng cường sự hiện diện thường xuyên ở Biển Đông và từ đó nâng cao khả năng kiểm soát các thực thể và không gian biển gần đó.

Trước những tranh chấp phức tạp và gay gắt về chủ quyền, quyền chủ quyền trên Biển Đông, đặc biệt là trước tham vọng bá quyền và bành trướng của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa “giấc mơ Trung Hoa”, việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng khoa học pháp lý, đặc biệt là kiến thức, kinh nghiệm vận dụng pháp luật quốc tế về các cơ sở pháp lý, nguyên tắc và biện pháp giải quyết các tranh chấp để từ đó đưa ra các giải pháp để bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của Việt Nam cũng như giải quyết các tranh chấp một cách hiệu quả là một nhu cầu khách quan và cấp bách. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ lợi ích, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông mà còn thúc đẩy ổn định, hòa bình và an ninh của khu vực.

2. Vai trò của khoa học pháp lý trong chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và xây dựng sức mạnh biển của Việt Nam

Lý thuyết về “sức mạnh biển” trên thế giới đã được hình thành bởi học giả Mỹ Alfred Mahan từ năm 1890 [6]. Theo đó sức mạnh trên biển của Mahan là một hệ thống phức hợp, bao gồm những thành tố như hạm đội tàu chiến, đội thương thuyền, hải cảng và căn cứ hải quân. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, có thể thấy rằng sức mạnh biển hiện nay của một quốc gia không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố như trên mà phụ thuộc vào một chính sách tổng hợp và bao trùm của quốc gia bao gồm tất cả các mặt ngoại giao, pháp lý, quân sự, hàng hải, kinh tế thương mại, khoa học và kỹ thuật biển; trong đó, khoa học pháp lý đóng một vai trò mũi nhọn và then chốt, đặc biệt với một quốc gia đang phát triển với nhiều tranh chấp trên biển như Việt Nam, với tư cách là một công cụ để thúc đẩy và bảo

vệ lợi ích về chủ quyền và quyền chủ quyền quốc gia.

Khoa học pháp lý về cơ bản được hiểu là tổng thể các kiến thức, tri thức về cơ sở pháp lý, các biện pháp, cách thức xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền và cách thức, quy trình vận dụng các giải pháp pháp lý (tòa án, trọng tài quốc tế) để giải quyết các tranh chấp trên biển giữa các quốc gia được ghi nhận hoặc thừa nhận chung trên cơ sở pháp luật quốc tế và thực tiễn pháp lý quốc tế (bao gồm các điều ước quốc tế song phương và đa phương, tập quán quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, án lệ; các học thuyết, ý kiến, quan điểm của các nhà luật học nổi tiếng, nghị quyết của các tổ chức quốc tế, pháp luật và thực tiễn quốc gia).

Nhận thức về tầm quan trọng của biển đối với sự nghiệp phát triển đất nước, từ những năm 1990, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có một số nghị quyết, chính sách về các lĩnh vực liên quan đến biển. Đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X trong Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 về “Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020” (sau đây gọi là ‘Nghị quyết số 09’) đã xác định:

Đến năm 2020, phần đầu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc, chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh.

Với nhiệm vụ:

Nhiệm vụ cơ bản, lâu dài và xuyên suốt là xác lập chủ quyền đầy đủ, quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán vùng biển, thềm lục địa, hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các quần đảo, đảo khác thuộc chủ quyền nước ta. Nhiệm vụ trước mắt là phải bảo vệ toàn vẹn chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo, duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển.

Và giải pháp quan trọng được đưa ra đó là:

Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, nắm chắc luật pháp và tập quán quốc tế để giải quyết kịp thời, có hiệu quả các tranh chấp biển, đảo; không để xảy ra các điểm nóng. Xây dựng cơ sở

pháp lý và lịch sử để đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Như vậy, trải qua một thời gian dài, đến thời điểm hiện tại chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển của Việt Nam đã được định hình với những mục tiêu, định hướng và giải pháp cụ thể, trong đó khoa học pháp lý sẽ là nền tảng cơ bản và trọng yếu cho các bước tiến ra biển, làm chủ biển và xây dựng sức mạnh biển của Việt Nam nhằm trở thành một quốc gia biển.

3. Cơ sở của việc vận dụng khoa học pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Hiện tại, khoa học pháp lý về xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền và giải quyết các tranh chấp trên biển tại Việt Nam đã bước đầu tìm hiểu và phân tích các cơ sở pháp lý, nguyên tắc và các biện pháp giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, những nghiên cứu này vẫn còn nhiều thiếu sót và khoảng trống, cần tiếp tục được nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện. Bên cạnh đó, tư duy, thái độ về việc sử dụng khoa học pháp lý trong mối tương quan với việc sử dụng các giải pháp khác như kinh tế, chính trị, ngoại giao, khoa học, kỹ thuật trong quá trình xác lập, đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và giải quyết các tranh chấp trên biển vẫn còn bị coi nhẹ và bị đánh giá chưa đúng tầm.

Cần nhận thức rằng đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của quốc gia trên biển là một nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tầm chiến lược đối với quốc gia không chỉ trong giai đoạn hiện nay mà còn có ý nghĩa lâu dài, có tích chất sống còn. Thực tiễn cho thấy, đối với các tranh chấp liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với biển đảo trên Biển Đông, trước âm mưu và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc, các giải pháp phi tài phán (chính trị, ngoại giao, kinh tế) chỉ có ý nghĩa, tác dụng trong chừng mực nhất định. Do đó, việc vận dụng khoa học pháp lý như là một giải pháp

hiệu quả, cơ bản và then chốt cần được đặt ra dựa trên những cơ sở sau đây:

Thứ nhất, về phương diện pháp lý, Việt Nam có ưu thế vượt trội so với Trung Quốc

Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa phù hợp với luật pháp quốc tế. Trong khi đó, Trung Quốc ngày càng thất lý khi thực hiện lối hành xử ngang ngược, bất chấp luật pháp và dư luận quốc tế, trắng trợn xâm chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam và các nước. Hành động của Trung Quốc là phi pháp nên rất sợ chính nghĩa, pháp lý. Do đó, Trung Quốc một mặt ru ngủ, đe dọa Việt Nam không sử dụng giải pháp pháp lý; mặt khác tìm cách phớt lờ, cố tình lảng tránh pháp đình quốc tế. Vì vậy, pháp lý chính là “tử huyệt” của Trung Quốc, đồng thời là “thương phương bảo kiếm” của Việt Nam mà chúng ta cần phải sử dụng triệt để để khẳng định chính nghĩa và đạo lý cũng như phát huy ưu thế của mình trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền. Để đối phó với Trung Quốc, phương thức đấu tranh thông qua luật pháp quốc tế là con đường cơ bản và trọng yếu của Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, giải pháp thương lượng với Trung Quốc đã và đang không đạt được hiệu quả.

Hiện nay, trong việc giải quyết các tranh chấp biển đảo, Việt Nam và Trung Quốc luôn chủ trương sử dụng biện pháp tham vấn và thương lượng. Theo đó hai bên “lấy đại cục quan hệ hai nước làm trọng... kiên trì thông qua hiệp thương hữu nghị, xử lý và giải quyết thỏa đáng vấn đề trên biển”. Thông điệp “giữ đại cục” đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các cuộc gặp cấp cao giữa lãnh đạo hai nước. Nghịch lý là, Trung Quốc sử dụng luận điểm “giữ đại cục” để trấn an Việt Nam trong khi lại sử dụng nhiều chiến thuật khác nhau để giành thế chủ động và quyền kiểm soát thực tế ở Biển Đông nhằm hiện thực hóa đường chữ U và âm mưu bành trướng của mình. Các hành động

quyết liệt của Trung Quốc trùng hợp với các cuộc kêu gọi đàm phán song phương đã rõ ràng chứng minh nước này đang tiếp cận các cuộc đàm phán không phải với sự “thiện chí” với mục đích thúc đẩy mà là để ngăn chặn hợp tác. Bên cạnh đó, có thể thấy rằng việc Trung Quốc luôn khẳng khái đàm phán song phương chính là ý đồ tận dụng sự bất cân xứng về sức mạnh về quân sự, kinh tế, và chính trị và qua đó giành lợi thế trên bàn đàm phán bằng việc đe dọa hoặc gây tổn hại cho các quốc gia bất đồng.

Trong bối cảnh căng thẳng và gay gắt của các tranh chấp biển hiện tại, với sự không thiện chí và âm mưu độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc, có thể thấy biện pháp đàm phán đã không còn hiệu quả, thậm chí là có nhiều rủi ro cho Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp biển đảo với Trung Quốc. Do đó, trong quan hệ với Trung Quốc, chỉ nên coi giải pháp ngoại giao là các giải pháp mang tính hỗ trợ, không thể coi là giải pháp có ý nghĩa quyết định.

Thứ ba, vận dụng khoa học pháp lý nói chung và các cơ chế tài phán quốc tế nói riêng trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo mang lại nhiều lợi ích to lớn.

Đây là giải pháp mang tính an toàn và hiệu quả nhất trong tổng thể các giải pháp đấu tranh, bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông trong tình hình hiện nay. Nếu sử dụng giải pháp này, Việt Nam mới có điều kiện phát huy lợi thế pháp lý và chính nghĩa của mình so với Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc sử dụng cơ chế tài phán quốc tế sẽ tạo đà kích hoạt lòng yêu nước của toàn thể dân tộc Việt Nam đoàn kết xung quanh sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, việc sử dụng giải pháp này cũng là một biện pháp nhằm cô lập Trung Quốc, góp phần quan trọng trong việc làm phá sản các âm mưu mà Trung Quốc đã lộ diện hết sức rõ ràng đối với Việt Nam nói riêng và các nước ASEAN nói chung (nổi bật là chiêu bài “gặm nhấm thực địa”, “bê đũa từng chiếc”, mua chuộc, “ru ngủ”, lừa mị, dụ dỗ hoặc đe dọa trong các vấn đề ngoại giao, kinh tế, chính trị...). Mặt khác, sử dụng khoa học pháp lý nói chung và các cơ chế tài phán quốc tế nói riêng trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền sẽ là điều kiện

để Việt Nam thể hiện vị thế vừa tự tôn, đĩnh đạc, vừa nghiêm túc, văn minh, để bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền biển đảo của đất nước.

Thứ tư, Việt Nam đang được sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế về chủ quyền trên Biển Đông.

Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 180/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, hoặc đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Đây là những tiền đề quan trọng và thuận lợi cho việc huy động nguồn lực to lớn - sức mạnh thời đại trong sự nghiệp bảo vệ đất nước hiện nay. Pháp luật quốc tế - cán cân công lý của thời đại, là cơ sở để Việt Nam sử dụng để củng cố sức mạnh chính nghĩa trong cuộc đấu tranh với Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền quốc gia đồng thời góp phần duy trì hòa bình và an ninh trên Biển Đông. Với việc tham gia vào cơ chế quốc tế giải quyết tranh chấp biển đảo, các tranh chấp trên Biển Đông sẽ được quốc tế hóa và Việt Nam sẽ có điều kiện kêu gọi cộng đồng quốc tế, tranh thủ được sự ủng hộ của các nước, đặc biệt là những cường quốc (Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Hoa Kỳ, các nước Tây Âu) và các nước ASEAN lên tiếng đề yêu cầu Trung Quốc tuân thủ luật pháp quốc tế, thực hiện trách nhiệm của thành viên thường trực của Hội đồng bảo an. Điều này đang được đông đảo các chuyên gia, các chính khách quốc tế đánh giá là một trong những ưu thế nổi trội của Việt Nam hiện nay.

Thứ năm, hiện tại là thời điểm cấp bách cho việc xúc tiến thực hiện giải pháp pháp lý thông qua các cơ chế tài phán quốc tế, đặc biệt là cơ chế giải quyết tranh chấp của trọng tài quốc tế, tòa án quốc tế.

Do diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông hiện nay trước âm mưu và một chuỗi các hành động xâm lấn ngang ngược của Trung Quốc đã và đang và sẽ tiếp diễn ngày một thâm độc, trắng trợn và với thực lực vượt trội (quân sự, kinh tế, quốc phòng, khoa học công nghệ, ngoại giao, truyền thông...) so với Việt Nam như hiện nay, Việt Nam khó có thể vô hiệu hóa

tham vọng nuốt trọn Biển Đông của Trung Quốc nếu không sử dụng các giải pháp pháp lý. Nếu chúng ta không kiên quyết, trì hoãn việc sử dụng khoa học pháp lý thì sẽ ngày càng rơi vào vị thế bất lợi, vừa trúng mưu kế thâm độc của Trung Quốc trong việc trì hoãn để tìm cách triệt tiêu thế mạnh của Việt Nam, hơn thế nữa điều này có nguy cơ làm giảm sút lòng tin của nhân dân, giảm sút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, dẫn đến hậu quả dần đánh mất thế mạnh, vị thế và uy tín.

Trước sự thay đổi chiến lược của các nước trên thế giới, nhất là các nước lớn và sự thay đổi căn bản cục diện ở Đông Nam Á với mưu đồ độc chiếm Biển Đông ngày càng ngang ngược của Trung Quốc, trước tình hình đang tranh chấp căng thẳng trên Biển Đông, tình thế này đặt chúng ta trước đòi hỏi phải khẩn trương đổi mới mạnh mẽ tư duy chiến lược trên nhiều bình diện khác nhau, theo đó bên cạnh các chiến lược về quốc phòng, an ninh trên biển, chiến lược phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật biển..., thì đổi mới chiến lược về triển khai mặt trận pháp lý của Việt Nam là một đòi hỏi cấp bách, cần được đầu tư, nghiên cứu bài bản.

4. Giải pháp để phát huy tiềm lực khoa học pháp lý phục vụ chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển và đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam

Để phát huy tối đa tiềm lực khoa học pháp lý một cách toàn diện, hiệu quả và đầy đủ nhằm thúc đẩy và bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam cũng như cũng để giải quyết các tranh chấp biển đảo hiệu quả giữa Việt Nam và các nước, đặc biệt là với Trung Quốc, nền khoa học pháp lý về bảo vệ chủ quyền biển, đảo cần phải được quan tâm, đầu tư đầy đủ và đúng mức để trở thành một lĩnh vực mũi nhọn, với các nội dung lớn sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về biển và tầm quan trọng của khoa học pháp lý, đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu sâu rộng khoa học pháp lý về chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo.

Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt Nam. Mất biển là mất chủ quyền quốc gia, đe dọa sự sống còn của dân tộc. Mỗi người dân Việt Nam cần phải luôn nhận thức rõ chân lý này.

Xuất phát từ vị trí và vai trò đặc biệt của khoa học pháp lý, việc cần thiết phải tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu hoạt động khoa học pháp lý một cách sâu rộng, bài bản, nhằm đưa ra các luận cứ khoa học cho việc xây dựng hệ thống lập luận và bằng chứng pháp lý, đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm góp phần đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia ở Biển Đông, phúc đáp chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển của Việt Nam... là nhu cầu hết sức cấp thiết, mang tính cơ bản, nền tảng và bền vững.

Thứ hai, đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền về khoa học pháp lý về chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo trong xã hội và tầng lớp nhân dân

Với tầm quan trọng sống còn của khoa học pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, Nhà nước cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương, nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài về vị trí, vai trò của luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật biển năm 1982 trong việc bảo vệ và thúc đẩy chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo cũng như trong giải quyết các tranh chấp quốc tế.

Thứ ba, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về mặt pháp lý để Việt Nam có thể sẵn sàng tham gia vào các cơ chế quốc tế giải quyết tranh chấp biển đảo

Để có thể đưa các vụ việc vi phạm của Trung Quốc đối với chủ quyền và quyền chủ quyền của mình trước các thiết chế tài phán quốc tế (như Tòa án công lý quốc tế, Tòa trọng tài quốc tế hoặc Tòa án quốc tế về Luật biển thành lập theo Công ước Luật biển năm 1982) hoặc đề nghị các tổ chức quốc tế quan trọng (như Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, Tổng thư ký Liên hợp quốc, ASEAN) tham gia giải quyết tranh chấp, Việt Nam cần phải có lộ trình, phương thức và

những kế hoạch rõ ràng, phù hợp đồng thời chuẩn bị một cách bài bản các điều kiện sau:

Một là, gấp rút hoàn thiện các nghiên cứu chuyên sâu về quy trình, thủ tục và các điều kiện cần thiết khác trong các cơ chế tham gia khởi kiện và tranh tụng tại các thiết chế tài phán quốc tế, cơ chế đề nghị các tổ chức quốc tế can thiệp vào vấn đề giải quyết tranh chấp biển đảo nêu trên.

Hai là, gấp rút hoàn thiện việc xây dựng hồ sơ pháp lý chứng minh chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các vùng biển khác – tập trung vào 11 khu vực chòng lún về pháp lý giữa Việt Nam và các nước trên Biển Đông, trong đó đặc biệt là các vùng biển mà Trung Quốc đang hung hăng có yêu sách xâm phạm.

Ba là, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động khảo sát, nghiên cứu học tập kinh nghiệm quốc tế, kinh nghiệm nước ngoài, và hợp tác quốc tế đặc biệt là các nước đã thành công trong việc sử dụng các cơ chế tài phán quốc tế cũng như các biện pháp xác lập và bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền biển đảo trong khu vực và trên thế giới. Thông qua đó, Việt Nam có thể đúc rút kinh nghiệm để từ đó vận dụng phù hợp và linh hoạt nhằm bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền của mình.

Thứ tư, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nguồn nhân lực có chất lượng cao tham gia vào các hoạt động khoa học pháp lý giải quyết tranh chấp biển đảo quốc tế

Bảo vệ chủ quyền biển đảo trên phương diện pháp lý là vấn đề vô cùng phức tạp vì đây là lĩnh vực chuyên sâu của luật pháp quốc tế. Do đó, muốn sử dụng hiệu quả luật quốc tế và các cơ chế tài phán quốc tế trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo đặc biệt trong sự phức tạp của tranh chấp Biển Đông hiện nay, Nhà nước phải có sự đầu tư bài bản nhằm đào tạo một đội ngũ các chuyên gia có trình độ cao và tinh thông về pháp luật quốc tế và luật biển. Cụ thể là phải đào tạo, huy động, sử dụng bài bản một đội ngũ chuyên gia pháp luật quốc tế thực sự có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết và

bản lĩnh kết hợp với các chuyên gia của các lĩnh vực khoa học có liên quan (tự nhiên, kinh tế-xã hội, lịch sử, ngoại giao-chính trị), đồng thời xác định vai trò, nhiệm vụ chính yếu, cốt cán thuộc về các chuyên gia pháp lý của Việt Nam bên cạnh sự trợ giúp của chuyên gia nước ngoài khi cần thiết. Bên cạnh đó, Việt Nam cần có chiến lược bài bản để đưa các chuyên gia vào làm việc tại các thiết chế tài phán quốc tế cũng cũng như tiếp tục cử các cán bộ, công chức vào làm việc tại các cơ quan quốc tế như Liên hợp quốc, ASEAN... Điều này không chỉ góp phần nâng cao trình độ, kinh nghiệm của đội ngũ chuyên gia Việt Nam mà đồng thời sẽ góp phần tạo nên vị thế và tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ năm, đổi mới tư duy và hành động trong việc chuẩn bị bộ máy tổ chức và các nguồn lực phục vụ cho công cuộc đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển đảo

Hiện nay Bộ Ngoại giao, theo Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11/6/2013, là cơ quan duy nhất có thẩm quyền “giải quyết tranh chấp... chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa”. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của tình hình trên Biển Đông, trước các hành động ngày càng quyết liệt, nguy hiểm của Trung Quốc, nhằm xử lý và giải quyết tổng thể và toàn diện tất cả các vấn đề về chính trị, ngoại giao, chính trị, an ninh, quốc phòng và đặc biệt là pháp lý; nhất là tránh lâm vào tình trạng bị động, lúng túng vì những hạn chế, bất cập đang tồn tại do cách thức tổ chức phối hợp thực hiện thiếu hiệu quả giữa các cơ quan trong những vụ việc vừa qua, Việt Nam cần thành lập Ủy ban quốc gia về Biển Đông bao gồm các thành viên của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các chuyên gia hàng đầu về pháp luật quốc tế; đứng đầu Ủy ban có thể là Chủ tịch nước, Thủ tướng hoặc một Phó thủ tướng. Khi được thành lập, Ủy ban sẽ có thẩm quyền chủ trì, quản lý và giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động thực thi và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông.

Thứ sáu, sử dụng giải pháp pháp lý kết hợp với giải pháp chính trị, ngoại giao

Trước tình hình hiện nay, Việt Nam có thể cân nhắc thực hiện bước đi chiến lược - sử dụng biện pháp hỗn hợp - kết hợp đồng thời biện pháp đàm phán và biện pháp tài phán hay pháp lý để giải quyết các tranh chấp biển đảo với Trung Quốc nhằm thay đổi cục diện chiến lược trong việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Như Nghị quyết số 09 đã định hướng: “**Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc**”. Việc sử dụng biện pháp hỗn hợp sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam, bên cạnh việc loại trừ sự bất cân xứng về sức mạnh, còn có thể là một biện pháp hỗ trợ đắc lực cho Việt Nam trên bàn đàm phán; đồng thời việc sử dụng biện pháp tài phán còn đặc biệt thích hợp trong tình huống Trung Quốc đơn phương thực hiện các hành động ngang ngược và trắng trợn như trong sự kiện HD981 vào tháng 5/2014 khi biện pháp đàm phán đã thất bại (trong sự kiện này Việt Nam đã liên lạc để phản đối và yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan hơn 20 lần nhưng đã không có kết quả. Ngoài ra, việc sử dụng biện pháp tài phán sẽ kích hoạt được lòng yêu nước của người dân Việt Nam đoàn kết xung quanh sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chứng minh được tính chính nghĩa của các yêu sách biển và thềm lục địa của Việt Nam cũng như tập hợp được sự ủng hộ quốc tế. Quan trọng hơn, việc sử dụng biện pháp tài phán sẽ làm thất bại âm mưu độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc thông qua việc đưa các yêu sách bất hợp pháp của nước này ra trước ánh sáng của luật pháp và công lý quốc tế.

5. Kết luận

Trong suốt chiều dài lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam luôn gắn chặt với biển, với những thăng trầm của thời đại. Trong bối cảnh hiện nay, chưa có thời đại nào mà đại dương nổi sóng dữ dội và mãnh liệt như bây giờ. Để có thể thực hiện thành công

chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển, xây dựng sức mạnh biển cũng như đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam, cần có các giải pháp đồng bộ trên tất cả các mặt trận: pháp lý, chính trị, ngoại giao, kinh tế, an ninh, quốc phòng...; trong đó, việc vận dụng khoa học pháp lý được coi là giải pháp then chốt và quan trọng nhất. Đối với những tranh chấp liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với biển đảo, thực tiễn cho thấy các giải pháp phi tài phán (chính trị, ngoại giao) trước âm mưu và tham vọng độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc chỉ có ý nghĩa, tác dụng trong chừng mực nhất định. Do đó, việc sử dụng khoa học pháp lý trong đó tìm hiểu cách thức vận dụng các cơ chế tài phán quốc tế và cơ sở xác lập chủ quyền và quyền chủ quyền sẽ là giải pháp phù hợp, hiệu quả và khả thi nhất của Việt Nam khi chủ quyền, quyền chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ bị đe dọa.

Việc vận dụng khoa học pháp lý trong việc giải quyết các tranh chấp Biển Đông đòi hỏi Việt Nam phải đổi mới mạnh mẽ tư duy chiến lược trên nhiều bình diện từ tầm nhìn về vai trò và ý nghĩa của biển; về việc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong tình hình mới; về chiến lược sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp, đặc biệt là vai trò của các biện pháp tài phán; về cục diện của khu vực và quốc tế, đặc biệt là trước âm mưu độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc và quan trọng hơn hết là ý chí và quyết tâm chính trị trong việc vận dụng khoa học pháp lý.

Vươn ra biển, khai thác và bảo vệ biển là lựa chọn có tính chất sống còn của dân tộc Việt Nam. Chúng ta “vì Biển Đông mà hành động đồng thời cũng từ Biển Đông mà tối đa hóa lợi ích an ninh và phát triển”. Vận dụng một cách chủ động, linh hoạt và sáng tạo khoa học pháp lý trong giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông sẽ giúp Việt Nam bảo vệ được tối đa lợi

ích quốc gia, cũng như giữ vững được an ninh, chủ quyền, và quyền chủ quyền tối thượng của mình tại vùng biển chiến lược này. Khoa học pháp lý sẽ là “thượng phương bảo kiếm”, là “chiến nô thần” của Việt Nam trong công cuộc tiến ra biển, làm chủ biển và xây dựng sức mạnh biển cũng như trong công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và giữ gìn hòa bình, an ninh và ổn định trên Biển Đông.

Lời cảm ơn

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.16.64, “ Những nội dung trái pháp luật quốc tế trong chính sách, pháp luật biển của Trung Quốc trên Biển Đông”, từ năm 2016 đến năm 2017, do GS.TS. GVCC Nguyễn Bá Diên chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Chu Hồi, Cơ sở tài nguyên và môi trường biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [2] Daniel Yergin, Dầu mỏ, tiền bạc và quyền lực: Thiên sử thi vĩ đại nhất thế kỷ XX, NXB Thế giới, Hà Nội, 2015.
- [3] Nguyễn Hồng Thao (Chủ biên), Đỗ Minh Thái, Nguyễn Thị Như Mai, Nguyễn Thị Hương, Công ước Biển 1982 và Chiến lược biển của Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [4] Nguyễn Bá Diên, Nguyễn Hùng Cường, Thềm lục địa trong pháp luật quốc tế (Sách chuyên khảo), NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2012.
- [5] Hạnh Nguyên (biên soạn), Những điều cần biết về biển Việt Nam, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2014
- [6] Alfred Mahan, Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử (1660-1783), NXB Tri thức, Hà Nội, 2013.

Legal Science and Legal Solutions for the Strategy of Seaward Advancement, Mastery of the Sea and the Struggle for Protecting Vietnam's Sovereignty, Sovereignty Rights in the South China Sea (the Bien Dong Sea)

Nguyen Ba Dien, Nguyen Hung Cuong

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The paper emphasizes the role and the position of the sea and ocean to the survival and development of nations in the 21st century, especially the position and the role of the South China Sea to Vietnam; and evaluates the current disputes over the South China Sea relating to China's hegemony and expansionism and their impacts on Vietnam's sovereignty and sovereignty rights. The paper also analyzes the role of legal science in the strategy for advancing to the sea, mastering the sea and building Vietnam's maritime power as a basis for the struggle to protect Vietnam's sovereignty and sovereignty rights in the South China Sea. The paper concludes with recommendations to promote the potential of legal science to ensure the success of the strategy for advancing to the sea, mastering the sea and struggling for the protection of Vietnam's sovereignty and sovereignty rights.

Keywords: Legal science, maritime power, Vietnam, China, South China Sea, sovereignty, sovereignty rights